TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 61/2024/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 25 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 29-02-2024 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Ngọc Q, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 11, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ 11, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Ngọc Q và chị Nguyễn Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Bùi Ngọc Q và chị Nguyễn Thị V có 02 con chung là Bùi Phương A, sinh ngày 15-02-2010 và Bùi Minh T, sinh ngày 16-10-2012. Hiện nay cháu Phương A và cháu T có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh Q và chị V thỏa thuận giao con chung là Bùi Phương A cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung là Bùi Minh T cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Q và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q và chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Ngọc Q và chị Nguyễn Thị V không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Anh Bùi Ngọc Q và chị Nguyễn Thị V thỏa thuận anh Bùi Ngọc Q có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Q đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000499 ngày 28-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh Q được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường H1, TP. H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga